

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 8 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Lập
2. Bà Đỗ Thị Phương

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Cao Thị H, sinh năm 1989, nơi ĐKHKTT: Xóm , xã X, huyện T tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện tại: Thôn 2, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*- Bị đơn:* Anh Trần Danh A, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm , xã X, huyện T tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Danh A tự tìm hiểu, yêu thương lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 13/12/2011. Sau khi kết hôn vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì không còn hạnh phúc, mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình. Tháng 8/2019 chị đã gửi đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn, nhưng sau chị lại rút đơn để mong hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng cuộc sống chung giữa vợ chồng vẫn không được cải thiện, nên nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Danh HảiN, sinh ngày 10/12/2012, hiện đang ở với anh Trần Danh A. Ly hôn, quan điểm của anh Anh cũng muốn nuôi con, nên chị đồng ý để anh Anh được trực tiếp nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản và công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và cũng không nợ ai, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2021, bị đơn là anh Trần Danh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 13/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra, tuy nhiên do anh nghiện ma túy, hiện tại đang uống thuốc để tự cai nghiện. Nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Danh HảiN, sinh ngày 10/12/2012. Quan điểm của anh Anh là nếu vợ chồng ly hôn, thì anh xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản và công nợ: Anh Trần Danh A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 30/6/2021, đại diện Ủy ban nhân xã X cho biết: Chị Cao Thị H và anh Trần Danh A có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 13/12/2011. Quá trình chung sống với nhau tại địa phương không thấy anh chị có mâu thuẫn gì với nhau. Anh Trần Danh A là đối tượng nghiện ma túy, còn chị H đi làm công ty thi thoảng mới về nhà. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Danh HảiN, sinh ngày 10/12/2012, hiện tại đang ở với anh Anh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân

sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Trần Danh A. Về con chung: Giao cháu Trần Danh HảiN cho anh Trần Danh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị Cao Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Trần Danh A, cư trú tại: Xóm , xã X, huyện T tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Trần Danh A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn là chị Cao Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Trần Danh A tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/12/2011, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Anh là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; Tuy nhiên, do anh Anh nghiện ma túy, nên từ năm 2019 tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong gia đình. Năm 2019 chị H đã làm đơn đề nghị Tòa giải quyết ly hôn, sau đó chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, nên từ năm 2020 vợ chồng đã ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị H một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; Còn anh Anh có ý kiến không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh Anh không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức và các phiên tòa, điều đó thể hiện anh Anh không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án và không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Anh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Trần Danh A.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị H và anh Trần Danh A đều xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Trần Danh HảiN, sinh ngày 10/12/2012, hiện

đang ở với anh Anh.

Xét, quá trình giải quyết vụ án, anh Anh có lời khai thể hiện quan điểm mong muốn xin được nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng hàng tháng theo quy định; chị H cũng có ý kiến thể hiện quan điểm đồng ý để cho anh Anh được quyền nuôi con, còn chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng; Cháu N hiện đang ở ổn định với anh Anh và cũng có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với anh Anh. Do đó, cần thiết giao con chung cho anh Anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, là phù hợp với quy định và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Cao Thị H và anh Trần Danh A đều có ý kiến xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*1. Về hôn nhân:* Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Trần Danh A.

*2. Về con chung:* Chị Cao Thị H và anh Trần Danh A có 01 (một) con chung là cháu Trần Danh Hải N, sinh ngày 10/12/2012.

Giao cháu Trần Danh Hải N cho anh Trần Danh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Cao Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Cao Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*3. Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006389 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy chị Cao Thị H còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**